



# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA VIETTEL TRỞ THÀNH TẬP ĐOÀN CNTT MẠNH VÀ ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THEO HÌNH THỨC ĐẦU TƯ MỚI

**TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

**1/2013**

1



1 MỤC TIÊU TẦM NHÌN CỦA VIETTEL .....

2 QUAN ĐIỂM, CHIẾN LƯỢC .....

3 KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU .....

4 ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI UDCNTT TRONG  
CQNN THEO HÌNH THỨC ĐẦU TƯ MỚI .....

5 ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ .....



- Trở thành công ty số 1 Việt Nam về Viễn thông và CNTT vào 2015.
- Nằm trong 30 nhà cung cấp viễn thông lớn nhất thế giới; top 10 nhà đầu tư viễn thông toàn cầu (2015: thị trường 500 triệu dân, 2020: thị trường 1 tỷ dân).
- Nhà sản xuất thiết bị CNTT-VT hàng đầu khu vực 2015 (Nhân sự 5000 người, doanh thu 1 tỷ USD).
- Làm bùng nổ thị trường CNTT Việt Nam bằng việc bình dân hóa dịch vụ, đưa CNTT-VT vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội



- Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) không chỉ là một ngành công nghiệp: Với mức tăng trưởng trung bình đạt 20-25%/năm, gấp khoảng 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP, đóng góp trực tiếp 6% GDP (năm 2011), bản thân ICT là một ngành công nghiệp lớn, độc lập. Tuy nhiên, không chỉ dừng lại như vậy, ICT còn là nền tảng và động lực thúc đẩy các ngành kinh tế-xã hội khác (Công nghiệp, Nông nghiệp, Giáo dục, Y tế, Văn hóa, Giải trí, ...), góp phần xây dựng một nền kinh tế tri thức đầy đủ cho Việt Nam.
- CNTT hội tụ với Viễn thông, không thể tách rời.
- Phát triển CNTT & Viễn thông cần sự nhất quán, quyết liệt từ tư duy đến hành động.
- Đầu tư vào CNTT & Viễn thông cần phải xã hội hóa, với những đầu tàu là các tập đoàn lớn, uy tín của đất nước.
- Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định.



- Tạo ra thị trường đủ lớn là yếu tố quyết định thành công:
- Tập trung vào các dự án mà trong đó Viettel có lợi thế cạnh tranh và phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp: Kết hợp CNTT và viễn thông là sự khác biệt của Viettel, nó tạo ra không gian sáng tạo mới với phạm vi rộng lớn hơn trên mọi mặt của đời sống
- Tạo cho khách hàng một giá trị tổng thể hướng tới dịch vụ trọn gói
- Tập trung đầu tư cho nghiên cứu phát triển
- Các sản phẩm phần cứng, phần mềm, dịch vụ CNTT của Viettel phải được nghiên cứu và thiết kế theo hướng cá thể hóa
- Xây dựng giải pháp tổng thể phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Thị trường, Tiềm lực tài chính
- Hạ tầng Viễn thông trải rộng với 140.000 km cáp quang, 52.000 trạm trên toàn quốc.
- 02 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế trong đó trung tâm dữ liệu Bình Dương lớn nhất Đông Nam Á
- Hơn 1,000 kỹ sư phần mềm chất lượng cao.
- Phương pháp tiếp cận và cách làm, văn hóa làm việc
- Hơn 40 sản phẩm phần mềm được đăng ký bản quyền, 10 sản phẩm đạt giải Sao Khuê
- Đạt chứng chỉ CMMI level 3
- Sản phẩm được triển khai tại 6 nước (VN, Laos, Cambodia, Peru, Haiti, Mozambique)

1

MỤC TIÊU TẦM NHÌN CỦA VIETTEL

2

QUAN ĐIỂM, CHIẾN LƯỢC

3

**KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU**

4

ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI UDCNTT TRONG  
CQN THEO HÌNH THỨC ĐẦU TƯ MỚI

5

ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ



- **Hạ tầng truyền dẫn và di động lớn nhất Việt Nam:**
  - Cáp quang: 140.000 km cáp quang (VN), 46.000 km cáp quang (NN).
  - BTS: 52.000 2G/3G (VN), 11.000(NN)
  - Thuê bao: 56 triệu (VN), 13 triệu (NN)
- **Hai trung tâm dữ liệu tích hợp (IDC) đạt chuẩn quốc tế**
  - Quy mô 2000 Rack, chuẩn TIA -942 (Tier 3).
- **Tổ chức bộ máy:**
  - 03 Trung tâm phần mềm: 1000 kỹ sư
  - 01 Viện Nghiên cứu phát triển: 350 kỹ sư
  - 01 Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử-viễn thông M1: 350 kỹ sư và dây chuyền lắp ráp các bảng mạch điện tử SMT công nghệ hiện đại với tổng đầu tư trên 200 tỷ đồng, công suất thiết kế 3 triệu ĐTDĐ/năm. Sản xuất thành công trên dây chuyền các sản phẩm bảng mạch USB 3G, thiết bị giám sát nhà trạm, điện thoại 2G/3G,...
  - 01 Nhà máy sản xuất khuôn mẫu M3: 300 kỹ sư





- Trong nội bộ Tập đoàn: toàn bộ lĩnh vực sản xuất phần mềm – CNTT đã hoàn toàn do người Viettel làm chủ, hàng trăm dự án CNTT đã được triển khai trong đó nổi bật:
  - Dự án xây dựng triển khai hệ thống Bán hàng, Tính cước và Chăm sóc khách hàng (BCCS): quản lý & điều hành toàn bộ hoạt động SXKD với hơn 50 triệu thuê bao, 1.000 cửa hàng, 64 chi nhánh, 10.000 giao dịch viên, 25.000 đối tác viên, quản lý doanh thu hàng tháng 5,000 tỷ đồng; Hệ thống cho phép quản lý đến chi tiết nhỏ nhất, có thể kiểm soát đến từng giao dịch của nhân viên giao dịch tại cửa hàng.
  - Dự án Quản lý khai thác mạng viễn thông: toàn bộ mạng lưới của Viettel, bao gồm mạng truyền dẫn 2G, 3G, mạng cố định, với hơn 30,000 node mạng đã được quản lý bằng CNTT, quản lý và xử lý sự cố theo thời gian thực.
  - Dự án xây dựng phần mềm quản trị và điều hành doanh nghiệp: văn phòng, tài sản, tài chính, nhân sự, tiền lương,...
  - Triển khai đồng bộ các hệ thống CNTT tại các thị trường nước ngoài: Lào, Cambodia, Haiti, Mozambique

- Một số dự án tiêu biểu triển khai cho các cơ quan nhà nước :
  - Dự án Văn phòng chính phủ: dự án điển hình của việc huy động nguồn lực xã hội triển khai các mục tiêu 2012-2015
    - Triển khai hạ tầng kết nối tốc độ cao từ VPCP đến 178 điểm bộ, ngành, các địa phương, Các TCT, Tập đoàn 90,91...
    - Xây dựng các ứng dụng tin học hóa toàn bộ các hoạt động xử lý nghiệp vụ tại VPCP cũng như các hoạt động chỉ đạo, điều hành của CP, TTg CP...
  - Đối với các bộ ngành: Bộ Giáo dục, Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan, Bộ Tư pháp,...: Viettel đã tập trung đầu tư và xây dựng trước tiên là hạ tầng kết nối liên thông sau đó dần xây dựng các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành quy mô quốc gia để tạo tiền đề xây dựng các UD Chuyên ngành cho từng ngành, từng lĩnh vực
  - Đối với các Tỉnh: Tiêu biểu như Hà Giang, Bắc Ninh: đã triển khai và hoàn thiện xây dựng toàn bộ các hệ thống Chính quyền điện tử tiên tiến, góp phần cải tiến và nâng cao hoạt động chỉ đạo và điều hành chung của Tỉnh

- Sản phẩm dân sự:
  - Thiết bị USB 3G
  - Điện thoại 2G, 3G
  - Thiết bị giám sát nhà trạm thông minh, thiết bị cảnh báo sóng thần, thiết bị giám sát mực nước hồ chứa,...
- Sản phẩm quân sự
  - Máy thông tin liên lạc,...



- 1 MỤC TIÊU TẦM NHÌN CỦA VIETTEL .....
- 2 QUAN ĐIỂM, CHIẾN LƯỢC .....
- 3 KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU .....
- 4 **ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI UDCNTT TRONG CQNN THEO HÌNH THỨC ĐẦU TƯ MỚI** .....
- 5 ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ .....

- Là phương pháp thực hiện các dự án đầu tư theo nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương hoặc địa phương). Hiện tại hầu hết các dự án ứng dụng CNTT trong CQNN đều đang được thực hiện theo hình thức này.
- Khó khăn:
  - Ngân sách đầu tư công đang bị cắt giảm
  - Kinh phí đầu tư lớn, nhiều lần
  - Chính phủ chỉ tập trung nguồn ngân sách để thực hiện một số dự án Quốc gia, các đơn vị phải tự huy động các nguồn lực, kinh phí xây dựng
  - Khó khăn trong việc phát triển toàn diện, tổng thể hệ thống
- Nhược điểm :
  - Trình tự các bước từ chuẩn bị đầu tư đến triển khai dự án qua nhiều bước (khoảng 50 bước), mất rất nhiều thời gian (tính bằng năm);
  - Trong hoàn cảnh chi tiêu công bị cắt giảm, các dự án đầu tư theo phương pháp này gần như bế tắc và không thể thực hiện được;
  - Các hệ thống CNTT sau khi phát triển và chuyển giao lại đòi hỏi các CQNN phải có đội ngũ chuyên trách về CNTT để duy trì và vận hành;
  - Không huy động được các nguồn lực của xã hội, của doanh nghiệp trong phát triển ứng dụng CNTT

- **Hình thức đối tác Công – Tư (PPP)**

- Một trong các hình thức phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp là hình thức đối tác công – tư (PPP). Hình thức đối tác công – tư được quy định tại Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010

- **Ưu điểm**

- Chuẩn bị đầu tư thực hiện nhanh
- Huy động được nguồn lực tài chính, con người của doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp CNTT và VT có cơ hội tham gia phát triển hạ tầng xã hội một cách chủ động.
- Các rủi ro của dịch vụ được chia sẻ với Doanh nghiệp

- **Nhược điểm**

- Không phải mọi dự án đều thành công.
- Vốn đầu tư thường là lớn, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có tiềm lực tài chính tốt để thực hiện dự án.
- Thời gian thu hồi vốn đầu tư kéo dài, phụ thuộc nhiều vào chính sách của CQNN.
- Hiện tại Chính phủ chưa tạo hành lang pháp lý cho hình thức đầu tư PPP trong

- Hiện trạng áp dụng tại Singapore

Năm 2012 Singapore đứng thứ 10 về triển khai Chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hiệp quốc, trong đó hình thức được áp dụng nhiều trong triển khai dịch vụ công của Singapore là công tác công tư PPP với một số hiệu quả được đánh giá:

- Giảm chi phí đầu tư ban đầu 15%
- Giảm thời gian triển khai 15%
- Giảm 30% chi phí thiết kế, giảm 15% chi phí xây dựng và vận hành;
- Tỷ suất lợi nhuận thu hồi 14% so với 6.5% của đầu tư công truyền thống;
- Các doanh nghiệp có trách nhiệm hơn với việc đảm bảo, nâng cấp, tối ưu và nâng cao hiệu suất hoạt động của hệ thống;
- Các rủi ro của dịch vụ được chia sẻ với Doanh nghiệp

## · **Hình thức đầu tư cho thuê dịch vụ CNTT&VT**

- Mô hình đầu tư và cho thuê dịch vụ CNTT cải tiến của hình thức hợp tác Công – Tư,
- Doanh nghiệp sẽ đầu tư về hạ tầng, phần mềm như là một dịch vụ và thay vì chuyển giao cho các CQNN thì doanh nghiệp sẽ định giá dịch vụ và thu phí dịch vụ những CQNN sử dụng
- Có thể áp dụng đối với các dự án đầu tư ứng dụng CNTT&VT cho CQNN nhưng không nằm trong lĩnh vực dịch vụ công, không hướng đến việc thu phí của công dân và doanh nghiệp sử dụng.
- Viettel đã áp dụng thành công phương pháp này đối với dự án ứng dụng CNTT - VT của Văn phòng Chính phủ và dự án Chính phủ điện tử của tỉnh Hà Giang



- **Ưu điểm**

- Tận dụng được nguồn tài chính, nhân lực của các doanh nghiệp.
- Chia sẻ với các doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư.
- Tiết kiệm kinh phí, thời gian vận hành hệ thống;
- Thời gian triển khai dự án nhanh
- Chất lượng cung cấp dịch vụ CNTT tốt, nhà nước và người dân sẽ được hưởng lợi rất nhiều từ việc này

- **Nhược điểm**

- Hiện tại chưa có văn bản pháp luật nào quy định về việc cho thuê dịch vụ CNTT này, do đó phương pháp này mặc dù có nhiều ưu điểm nổi trội vẫn chưa thể áp dụng triển khai rộng

- Thực tiễn áp dụng của Viettel đối với dự án xây dựng và triển khai các ứng dụng CNTT-TT cho VP Chính phủ
  - Thời gian bắt đầu dự án: 10/2011.
  - Phương pháp thực hiện: Tiếp cận tổng thể -> xây dựng lộ trình triển khai -> triển khai cụ thể, chi tiết.
  - Đã xây dựng thành công mô hình kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT.
  - Đã hoàn thành xây dựng và triển khai giải pháp 01 mạng hợp nhất, kết nối trung tâm dữ liệu với 178 điểm.
  - Triển khai đồng bộ giải pháp Email, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
  - Hình thức tham gia triển khai dự án: Viettel đầu tư xây dựng dự án trước -> cung cấp dịch vụ hạ tầng thiết bị, đường truyền, ứng dụng và CSDL dưới dạng cho thuê dịch vụ, hỗ trợ VPCP làm chủ và vận hành hệ thống.
- ▣ Thời gian triển khai nhanh, dễ dàng mở rộng cho các đơn vị sử dụng khác, tối ưu hóa nhân sự vận hành hệ thống cũng như đảm bảo chất lượng dịch vụ.

- Thực tiễn áp dụng của Viettel đối với dự án xây dựng và triển khai chính phủ điện tử tại Hà Giang
  - Thời gian bắt đầu dự án: 8/2012
  - Phương pháp thực hiện: Tiếp cận tổng thể -> xây dựng lộ trình triển khai -> triển khai cụ thể, chi tiết
  - Đã xây dựng thành công mô hình kiến trúc tổng thể Chính phủ điện tử.
  - Đã và đang triển khai hạ tầng mạng WAN của tỉnh **kết nối 73 điểm**.
  - Triển khai đồng bộ Cổng thông tin điện tử VPortal, hệ thống một cửa điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
  - Hình thức tham gia triển khai dự án: Viettel đầu tư xây dựng dự án trước -> cung cấp dịch vụ hạ tầng thiết bị, đường truyền, ứng dụng và CSDL dưới dạng cho thuê dịch vụ, hỗ trợ VPCP làm chủ và vận hành hệ thống.
- ▣ Năm 2012 chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông (ICT) của tỉnh Hà Giang đã có bước tiến mạnh (xếp hạng 38/63) so với năm 2011 (xếp hạng 63/63)..

Hình thức đầu tư đối tác Công-Tư (PPP) và đầu tư hình thức cho thuê dịch vụ đều phù hợp với định hướng của Nghị quyết 13/NQ-TW :

- Phù hợp với định hướng của nghị quyết 13/NQ-TW về việc huy động mọi nguồn lực xã hội để thực hiện xây dựng hạ tầng CNTT.
- Phù hợp với mục tiêu về phát triển Công nghiệp CNTT.
- Phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng phải đảm bảo các điều kiện an ninh, quốc phòng.

- Bộ TT&TT lấy ý kiến các đơn vị, tổ chức để sớm ban hành các quy định, hướng dẫn về việc thực hiện dự án CNTT&VT theo phương pháp đối tác Công – Tư và cho thuê dịch vụ CNTT
- Đối với các dự án CNTT nên định hướng triển khai trên môi trường điện toán đám mây và hướng tới mô hình thuê dịch vụ trọn gói của những nhà cung cấp dịch vụ. Với vai trò là doanh nghiệp VT-CNTT lớn, có kinh nghiệm, Viettel sẽ:
  - Cung cấp dịch vụ CNTT theo tiêu chuẩn, quy định và hướng dẫn của Bộ TT&TT.
  - Cam kết đầu tư tài chính, nhân lực để thực hiện các dự án được giao.
  - Cung cấp thông tin đúng với thực tế triển khai hệ thống để Bộ TT&TT có thể tham khảo, ban hành các văn bản hướng dẫn.



**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**